



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 118/QĐ-HHVN Ngày 8 tháng 4 năm 2014

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh Nghiệp số** 0200236845 Ngày 18 tháng 7 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200236845 ngày 18 tháng 7 năm 2014.

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Việt	Thành viên
Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên
Ông Trương Văn Thái	Thành viên
Ông Vũ Tuấn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Hải	Thành viên
Ông Bùi Chiến Thắng	Thành viên

(đến ngày 29 tháng 9 năm 2016)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban
Bà Đào Thị Thu Hà	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc
Ông Cao Trung Ngoan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 12 tháng 7 năm 2016)

Ông Bùi Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
---------------------	-------------------

(đến ngày 31 tháng 8 năm 2016)

Trụ sở đăng ký Số 8A Đường Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Phạm Hồng Minh
KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Hải Phòng, 26-03-2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- (i) Như được trình bày tại Thuyết minh 6(b), Công ty không thể thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc, một công ty liên kết của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016. Vì vậy, khoản đầu tư vào công ty liên kết này đã được phản ánh theo nguyên giá mà không được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Cũng do không có báo cáo tài chính của công ty liên kết này, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến đầu tư vào các công ty liên kết, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- (ii) Tài sản cố định của Công ty là cầu số 4, số 5, bãi container và một số thiết bị khác được hình thành từ trước thời điểm cổ phần hóa Công ty. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 là thời điểm Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, Công ty đã ghi nhận các tài sản nói trên theo giá trị định giá lại khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT phê duyệt giá trị quyết toán của các tài sản này và yêu cầu Công ty nhận nợ khoản vay vốn ODA liên quan đến các tài sản này do nguồn vốn đầu tư dự án hình thành các tài sản nói trên trước đây bao gồm vốn vay ODA và vốn Nhà nước. Giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)” được phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2016 bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Theo đó, trong năm 2016, Công ty đã tạm thời ghi nhận khoản vay bằng VND và điều chỉnh hồi tố giá trị tài sản cố định hữu hình. Tuy nhiên, do khoản vay ODA gốc là bằng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước theo biên bản trên có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá giải ngân đầu tư xây dựng. Chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của vấn đề này đối với các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến tài sản cố định hữu hình – nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, phải thu về cổ phần hóa, vay ngắn hạn, vay dài hạn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh 38 của báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại. Ý kiến ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính rằng các số liệu so sánh đã trình bày, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 38 của báo cáo tài chính hợp nhất, là số liệu căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 trong báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 3 năm 2016.

Trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi đã kiểm toán các điều chỉnh như được trình bày tại Thuyết minh 38 được áp dụng để điều chỉnh các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Chúng tôi không được chỉ định để kiểm toán, soát xét hay thực hiện bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, ngoài các thủ tục kiểm toán được thực hiện đối với những điều chỉnh được trình bày ở Thuyết minh 38 của báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán hay bất kỳ sự đảm bảo nào về báo cáo tài chính đó. Theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 38 là phù hợp và được áp dụng đúng.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-149-d



Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2017

Trương Tuyết Mai
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2014-007-1

TAM

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.880.382.673.696	1.836.887.204.128
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	520.069.355.892	42.454.875.739
Tiền	111		354.069.355.892	42.454.875.739
Các khoản tương đương tiền	112		166.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.007.981.000.000	1.340.067.450.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	1.007.981.000.000	1.340.067.450.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		298.334.866.511	394.104.795.731
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	271.162.397.741	251.107.879.060
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		26.775.752.709	40.589.446.840
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	22.715.713.375	116.960.348.330
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(22.318.997.314)	(14.552.878.499)
Hàng tồn kho	140	10	34.882.332.735	40.294.524.500
Hàng tồn kho	141		34.882.332.735	40.294.524.500
Tài sản ngắn hạn khác	150		19.115.118.558	19.965.558.158
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	16.085.209.414	16.242.068.218
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(a)	2.657.689.536	1.192.387.225
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17(b)	372.219.608	2.531.102.715

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		3.248.272.186.226	3.484.440.066.811
Các khoản phải thu dài hạn	210		561.681.000	593.181.000
Phải thu dài hạn khác	216		561.681.000	593.181.000
Tài sản cố định	220		2.866.811.353.256	3.147.088.122.974
Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.865.425.911.731	3.145.136.299.935
<i>Nguyên giá</i>	222		6.468.835.929.197	6.326.579.221.459
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.603.410.017.466)	(3.181.442.921.524)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.385.441.525	1.951.823.039
<i>Nguyên giá</i>	228		34.507.825.838	34.223.325.838
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(33.122.384.313)	(32.271.502.799)
Tài sản dở dang dài hạn	240		60.571.946.452	20.598.924.390
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	60.571.946.452	20.598.924.390
Đầu tư tài chính dài hạn	250		247.231.501.058	252.030.752.063
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	230.497.496.070	234.280.616.063
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	17.755.136.000	17.755.136.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(c)	(1.021.131.012)	(5.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		73.095.704.460	64.129.086.384
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	55.620.208.276	64.129.086.384
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	17.475.496.184	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.128.654.859.922	5.321.327.270.939

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.281.065.792.635	1.560.864.908.887
Nợ ngắn hạn	310		504.734.833.269	723.529.503.046
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	60.854.194.373	58.659.537.544
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.968.612.358	6.577.293.681
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(c)	47.757.665.292	40.734.466.910
Phải trả người lao động	314		136.934.846.236	172.261.508.294
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	95.557.004.331	52.146.398.006
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		464.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	30.088.255.478	183.445.925.724
Vay ngắn hạn	320	20(a)	65.307.186.147	63.395.046.558
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21(a)	41.060.000.000	26.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	21.743.069.054	120.309.326.329
Nợ dài hạn	330		776.330.959.366	837.335.405.841
Vay dài hạn	338	20(b)	762.991.416.922	808.067.570.841
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	3.602.244.444	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21(b)	9.737.298.000	29.267.835.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.847.589.067.287	3.760.462.362.052
Vốn chủ sở hữu	410	23	3.847.589.067.287	3.760.462.362.052
Vốn cổ phần	411	24	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		72.599.527.038	72.599.527.038
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	156.122.712.580	95.590.703.400
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		506.212.971.005	462.891.641.790
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		176.124.768.604	119.009.730.686
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		330.088.202.401	343.881.911.104
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		456.355.547.773	473.082.180.933
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.128.654.859.922	5.321.327.270.939

26 -03- 2017

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Phạm Hồng Minh
KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	2.401.885.380.184	2.350.208.581.682
Giá vốn hàng bán	11		1.511.042.414.180	1.500.073.276.926
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		890.842.966.004	850.135.304.756
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	79.097.159.273	87.217.619.351
Chi phí tài chính	22	30	75.462.401.544	79.549.740.092
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		52.479.199.297	64.566.025.484
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		11.457.591.036	13.234.983.967
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	213.878.024.890	165.742.671.448
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26)	30		692.057.289.879	705.295.496.534
Thu nhập khác	31		4.465.064.562	4.079.678.637
Chi phí khác	32		1.978.998.171	1.082.281.809
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.486.066.391	2.997.396.828
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		694.543.356.270	708.292.893.362
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	111.119.144.368	125.586.942.247
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	33	(15.133.251.740)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		598.557.463.642	582.705.951.115

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		460.872.202.401	443.365.271.104
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		137.685.261.241	139.340.680.011
<hr/>				
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.409,57	1.356,02
<hr/>				

26 -03- 2017

Người lập:

Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Phạm Hồng Minh
KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		694.543.356.270	708.292.893.362
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		421.664.231.056	397.766.776.344
Các khoản dự phòng	03		4.311.712.827	23.610.101.463
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		14.444.735.559	4.939.951.844
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(82.568.766.634)	(83.263.691.098)
Chi phí lãi vay	06		52.479.199.297	64.870.213.066
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.104.874.468.375	1.116.216.244.981
Biến động các khoản phải thu	09		16.997.081.493	87.139.689.305
Biến động hàng tồn kho	10		5.412.191.765	(1.953.156.867)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(13.723.365.667)	24.844.485.472
Biến động chi phí trả trước	12		8.665.736.912	(2.626.269.123)
			1.122.226.112.878	1.223.620.993.768
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.463.486.108)	(14.857.228.464)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(104.645.824.483)	(123.297.153.004)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	14.834.463.663
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(154.469.277.237)	(91.314.697.166)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		853.647.525.050	1.008.986.378.797

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(204.395.607.900)	(296.185.772.893)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		55.354.530	-
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(2.482.672.000.000)	(4.101.025.570.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		2.814.758.450.000	3.599.432.876.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(11.596.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		5.114.639.588	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		78.045.464.350	69.680.457.709
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		199.310.300.568	(728.098.009.184)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		110.000.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(176.837.863.556)	(214.247.183.833)
Tiền trả cổ tức	36		(513.609.853.299)	(77.530.632.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(580.447.716.855)	(291.777.815.853)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		472.510.108.763	(10.889.446.240)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	42.454.875.739	53.328.476.304
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.104.371.390	15.845.675
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	520.069.355.892	42.454.875.739

26 -03- 2017

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Phạm Hồng Minh
KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa theo Quyết định số 118/QĐ-HHVN ngày 8 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt và chuyển Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Cảng Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khai thác khác;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình dân dụng khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động bệnh viện, trạm xá;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; và
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không phục vụ quầy bar).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Công ty có trụ sở văn phòng chính tại số 8A Đường Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 2 đơn vị trực thuộc (1/1/2016: 5 đơn vị trực thuộc) và 5 công ty con (1/1/2016: 2 công ty con) như sau:

(i) Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ	Số 5 Chùa Vẽ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Cảng Tân Vũ	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

(ii) Các công ty con

	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	100%
Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	60%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Hải Phòng	51%

Ngày 1 tháng 2 năm 2016, Công ty đã giải thể 3 đơn vị trực thuộc là chi nhánh Cảng Hoàng Diệu, chi nhánh Cảng Bạch Đằng và Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng và thành lập 3 công ty con là Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty và các công ty con có 8 công ty liên kết (1/1/2016: 8 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty và các công ty con có 3.984 nhân viên (1/1/2016: 4.042 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty và các công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty và các công ty con, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty và các công ty con phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty và các công ty con trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc, thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 13 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 20 năm.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 43 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty hoặc các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng sửa chữa định kỳ tài sản cố định

Khoản dự phòng về chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ được lập cho một số máy móc và thiết bị cần thiết phải sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Khoản dự phòng được lập hàng năm dựa trên ước tính của Công ty và công ty con về chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh và được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt hàng năm.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Việc lập dự phòng sửa chữa định kỳ tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó có điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa định kỳ tài sản cố định, điều kiện về nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 không được thỏa mãn mặc dù việc lập dự phòng sửa chữa định kỳ tài sản cố định là tuân theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp dựa trên số liệu của bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và trong năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các công ty liên quan đề cập đến các công ty liên kết, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận**

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Dịch vụ kho vận, bốc dỡ hàng hóa và các dịch vụ khai thác cảng hàng hải khác
- Hoạt động khác (dịch vụ khám chữa bệnh và dịch vụ giáo dục nghề nghiệp)

	Dịch vụ kho vận, bốc dỡ hàng hóa và các dịch vụ khai thác cảng hàng hải khác		Hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	2.395.482.293.473	2.348.037.537.113	6.403.086.711	2.171.044.569	-	-	2.401.885.380.184	2.350.208.581.682
Doanh thu giữa các bộ phận	64.357.104.251	60.458.955.781	2.839.517.945	354.834.000	(67.196.622.196)	(60.813.789.781)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	2.459.839.397.724	2.408.496.492.894	9.242.604.656	2.525.878.569	(67.196.622.196)	(60.813.789.781)	2.401.885.380.184	2.350.208.581.682
Kết quả kinh doanh của bộ phận	887.040.780.118	851.367.935.649	3.802.185.886	(1.232.630.893)	-	-	890.842.966.004	850.135.304.756
Chi phí không phân bổ							210.243.267.161	158.074.792.189
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							680.599.698.843	692.060.512.567
Thu nhập khác							4.465.064.562	4.079.678.637
Chi phí khác							1.978.998.171	1.082.281.809
Phần chia lãi trong công ty liên kết							11.457.591.036	13.234.983.967
Thuế thu nhập doanh nghiệp							95.985.892.628	125.586.942.247
Lợi nhuận thuần sau thuế							598.557.463.642	582.705.951.115

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Dịch vụ kho vận, bốc dỡ hàng hóa và các dịch vụ khai thác cảng hàng hải khác		Hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản của bộ phận	4.796.541.961.489	5.002.426.057.071	18.668.845.543	14.596.823.911	-	-	4.815.210.807.032	5.017.022.880.982
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	230.497.496.070	234.280.616.063	-	-	-	-	230.497.496.070	234.280.616.063
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	82.946.556.820	70.023.773.894
Tổng tài sản	5.027.039.457.559	5.236.706.673.134	18.668.845.543	14.596.823.911	-	-	5.128.654.859.922	5.321.327.270.939
Tổng nợ phải trả	1.341.255.672.393	1.569.608.651.510	2.668.845.543	887.066.577	(62.858.725.301)	(9.630.809.200)	1.281.065.792.635	1.560.864.908.887
	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	204.395.607.900	296.185.772.893	-	-	-	-	204.395.607.900	296.185.772.893
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	419.910.666.614	395.333.912.982	902.682.928	1.021.321.600	-	-	420.813.349.542	396.355.234.582
Khấu hao tài sản cố định vô hình	850.881.514	1.411.541.762	-	-	-	-	850.881.514	1.411.541.762

Ban Tổng Giám đốc xác định rằng, hiện tại Công ty và các công ty con hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất là lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.842.611.168	507.073.233
Tiền gửi ngân hàng	352.226.744.724	41.947.802.506
Các khoản tương đương tiền	166.000.000.000	-
	520.069.355.892	42.454.875.739

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 6.785.100 USD (tương đương 154.090 triệu VND) (1/1/2016: 0 VND) bị hạn chế sử dụng do được dùng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

6. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1.007.981.000.000	1.007.981.000.000	1.340.067.450.000	1.340.067.450.000

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 46.281 triệu VND (1/1/2016: 0 VND) bị hạn chế sử dụng do được dùng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư vào các công ty liên kết**

Đầu tư vào công ty liên kết bao gồm:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	140.209.349.543	146.476.415.954
Công Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	18.137.933.436	16.553.152.661
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	2.662.133.447	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	26.665.143.948	25.289.203.035
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô – Cảng Hải Phòng (*)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	25.584.356.599	31.440.000.000
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc (**)	5.518.034.429	5.518.034.429
Công ty Cổ phần HGH Logistics	11.720.544.668	-
Trường Cao đẳng Nghề Hàng hải Việt Nam	-	6.003.809.984
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	230.497.496.070	234.280.616.063

(*) Phần lỗ phải chia từ Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô – Cảng Hải Phòng đã vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết này.

(**) Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của công ty liên kết này để hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Ngày 25 tháng 4 năm 2016, Công ty thoái vốn khỏi công ty liên kết là Trường Cao đẳng Nghề Hàng hải Việt Nam. Ngày 4 tháng 10 năm 2016, Công ty đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần HGH Logistics.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2016			1/1/2016			Giá trị hợp lý VND
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND Đã điều chỉnh lại	Dự phòng VND Đã điều chỉnh lại	Giá trị hợp lý VND	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	Hải Phòng	0,13%	15.307.119.745	-	(*)	0,13%	15.307.119.745	-	(*)
Công ty Cổ phần Tin học và Công nghệ Hàng hải	Hải Phòng	3,06%	144.385.243	-	(*)	3,06%	144.385.243	-	(*)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Hải Phòng	0,45%	122.500.000	-	413.271.120	0,45%	122.500.000	(5.000.000)	117.500.000
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics	Hải Phòng	1,41%	2.181.131.012	(1.021.131.012)	1.160.000.000	1,41%	2.181.131.012	-	1.556.000.000
			<u>17.755.136.000</u>	<u>(1.021.131.012)</u>			<u>17.755.136.000</u>	<u>(5.000.000)</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	1.661.611.165	-
<i>Các công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	2.194.810.424	734.835.530
Công ty TNHH Tiếp Vận SITC – Đình Vũ	164.599.556	151.996.962
<i>Các bên thứ ba</i>		
Maersk Line A/S	23.175.220.963	25.360.355.030
Công ty TNHH SITC Container Lines	23.390.138.874	21.650.419.425
Các khách hàng khác	220.576.016.759	203.210.272.113
	271.162.397.741	251.107.879.060

Khoản phải thu từ Công ty mẹ và các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 15 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Phải thu về cổ phần hóa từ công ty mẹ – Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	99.960.782.454
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	15.183.230.534	11.249.688.890
Phải thu bổ sung thuế thu nhập cá nhân từ người lao động	2.711.502.615	905.136.347
Tạm ứng	502.594.272	797.684.716
Ký quỹ	52.000.000	52.000.000
Phải thu khác	4.266.385.954	3.995.055.923
	22.715.713.375	116.960.348.330

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2016			Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	1/1/2016		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn									
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	Trên 3 năm	3.271.865.211	(3.271.865.211)	-	Trên 3 năm	3.236.585.742	(3.236.585.742)	-	
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	Trên 3 năm	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-	Trên 3 năm	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-	
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hải Châu	2 - 3 năm	965.762.010	(795.118.197)	170.643.813	1 - 2 năm	965.762.010	(482.881.005)	482.881.005	
					Dưới 6 tháng				
Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container	1 - 3 năm	2.852.328.497	(1.461.273.917)	1.391.054.580	- 2 năm	3.006.328.497	-	3.006.328.497	
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	6 tháng - 2 năm	9.930.305.723	(4.355.036.239)	5.575.269.484	Dưới 6 tháng	6.066.389.766	-	6.066.389.766	
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	4.036.747.499	(4.036.747.499)	-	Trên 3 năm	3.997.782.609	(3.997.782.609)	-	
Các khách hàng khác	Dưới 3 năm	4.933.984.974	(1.770.089.433)	3.163.895.541	Dưới 3 năm	413.524.650	(206.762.325)	206.762.325	
		32.619.860.732	(22.318.997.314)	10.300.863.418		24.315.240.092	(14.552.878.499)	9.762.361.593	

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(22.318.997.314)

(14.552.878.499)

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Hàng tồn kho

	31/12/2016	1/1/2016
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Hàng mua đang đi trên đường	1.837.800.000	-
Nguyên vật liệu	23.517.340.393	29.160.028.886
Công cụ và dụng cụ	9.322.313.066	11.047.463.635
Hàng hóa	204.879.276	87.031.979
	<hr/>	<hr/>
	34.882.332.735	40.294.524.500
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	2.619.297.283.022	532.048.376.279	3.128.782.352.545	46.451.209.613	6.326.579.221.459
<i>Số dư đầu năm – theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>2.668.819.509.090</i>	<i>532.048.376.279</i>	<i>3.095.001.244.854</i>	<i>89.360.127.511</i>	<i>6.385.229.257.734</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 38)</i>	<i>(49.522.226.068)</i>	-	<i>33.781.107.691</i>	<i>(42.908.917.898)</i>	<i>(58.650.036.275)</i>
Tăng trong năm	2.302.749.252	68.634.090.454	39.720.000	1.667.730.000	72.644.289.706
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	33.005.832.780	194.871.730	29.530.134.385	6.964.604.237	69.695.443.132
Thanh lý	(83.025.100)	-	-	-	(83.025.100)
Số dư cuối năm	2.654.522.839.954	600.877.338.463	3.158.352.206.930	55.083.543.850	6.468.835.929.197
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	1.265.186.307.796	309.585.849.717	1.580.494.150.225	26.176.613.786	3.181.442.921.524
<i>Số dư đầu năm – theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>1.358.368.511.207</i>	<i>309.585.849.717</i>	<i>1.568.153.989.500</i>	<i>69.118.651.423</i>	<i>3.305.227.001.847</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 38)</i>	<i>(93.182.203.411)</i>	-	<i>12.340.160.725</i>	<i>(42.942.037.637)</i>	<i>(123.784.080.323)</i>
Khấu hao trong năm	126.976.468.223	56.741.762.405	232.445.965.462	5.850.644.852	422.014.840.942
Thanh lý	(47.745.000)	-	-	-	(47.745.000)
Số dư cuối năm	1.392.115.031.019	366.327.612.122	1.812.940.115.687	32.027.258.638	3.603.410.017.466
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	1.354.110.975.226	222.462.526.562	1.548.288.202.320	20.274.595.827	3.145.136.299.935
Số dư cuối năm	1.262.407.808.935	234.549.726.341	1.345.412.091.243	23.056.285.212	2.865.425.911.731

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 471.297 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 453.806 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 113.730 triệu VND (1/1/2016: 157.429 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	34.223.325.838
<i>Số dư đầu năm – theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>32.475.549.100</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 38)</i>	<i>1.747.776.738</i>
Tăng trong năm	284.500.000
Số dư cuối năm	34.507.825.838
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	32.271.502.799
<i>Số dư đầu năm – theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>30.523.726.061</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 38)</i>	<i>1.747.776.738</i>
Khấu hao trong năm	850.881.514
Số dư cuối năm	33.122.384.313
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	1.951.823.039
Số dư cuối năm	1.385.441.525

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 28.638 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 26.890 triệu VND).

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	20.598.924.390	91.424.481.229
Tăng trong năm	109.668.465.194	20.851.968.202
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(69.695.443.132)	(91.677.525.041)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	60.571.946.452	20.598.924.390

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công trình nhà điều hành 5 tầng Đình Vũ	40.794.401.820	11.864.211.818
Nâng cấp hệ thống điện điều khiển cầu trục	-	2.955.890.909
Dự án tàu trọng tải lớn vào cảng	-	1.135.850.909
Đường RTG trên bãi tiền phương (đường 12 RTG + 6 RTG)	1.818.573.938	884.646.719
Dự án các công trình kho bãi chứa hàng hậu phương sau cầu số 5, 6	14.742.172.460	895.018.373
Công trình khác	3.216.798.234	2.863.305.662
	<hr/>	<hr/>
	60.571.946.452	20.598.924.390

14. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trả trước phí bảo hiểm	7.351.663.826	3.717.521.846
Công cụ, dụng cụ	6.964.850.800	3.812.553.168
Chi phí sửa chữa	416.000.000	8.279.675.143
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.352.694.788	432.318.061
	<hr/>	<hr/>
	16.085.209.414	16.242.068.218

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ, dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Chi phí thuê đất VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	5.688.394.468	25.649.568.000	31.246.271.916	1.544.852.000	64.129.086.384
Tăng trong năm	5.827.880.256	-	-	5.410.386.470	11.238.266.726
Phân bổ trong năm	(5.156.198.692)	(12.824.784.000)	(307.831.307)	(1.216.730.835)	(19.505.544.834)
Thanh lý	(241.600.000)	-	-	-	(241.600.000)
	6.118.476.032	12.824.784.000	30.938.440.609	5.738.507.635	55.620.208.276

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Chi phí lãi vay ODA cầu số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ và gói thiết bị chưa được duyet phương án trả nợ và đồng tiền vay	20%	18.591.516.184	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	20%	(1.116.020.000)	-
Dự phòng loại trừ khi hợp nhất	20%	(3.602.244.444)	-
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(4.718.264.444)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		13.873.251.740	-
Phân loại trên bảng cân đối kế toán:			
Tài sản dài hạn khác		17.475.496.184	-
Nợ phải trả dài hạn		(3.602.244.444)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		13.873.251.740	-

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn****Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và nhà cung cấp là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<i>Các công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	4.835.569.329	2.503.498.112
<i>Các bên thứ ba</i>		
Các nhà cung cấp khác	56.018.625.044	56.156.039.432
	<u>60.854.194.373</u>	<u>58.659.537.544</u>

Khoản phải trả các công ty liên kết không được đảm bảo, không tính lãi và phải trả khi được yêu cầu.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/1/2016 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.192.387.225	69.952.459.640	(68.487.157.329)	2.657.689.536

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số đã bù trừ trong năm VND	Số nộp thừa trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	228.010.358	(194.117.750)	-	33.892.608
Thuế thu nhập cá nhân	2.303.092.357	(2.303.092.357)	-	-
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	-	338.327.000	338.327.000
	<u>2.531.102.715</u>	<u>(2.497.210.107)</u>	<u>338.327.000</u>	<u>372.219.608</u>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã bù trừ/ nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.070.766.049	143.303.438.793	(143.646.507.131)	5.727.697.711
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.520.353.336	111.119.144.368	(104.839.942.233)	40.799.555.471
Thuế thu nhập cá nhân	134.826.325	15.328.176.254	(14.232.590.469)	1.230.412.110
Tiền thuê đất	-	21.015.011.000	(21.015.011.000)	-
Các loại thuế khác	8.521.200	262.818.000	(271.339.200)	-
	40.734.466.910	291.028.588.415	(284.005.390.033)	47.757.665.292

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lãi vay phải trả	95.162.111.195	52.146.398.006
Các khoản trích trước khác	394.893.136	-
	95.557.004.331	52.146.398.006

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Cổ tức phải trả	2.964.012.050	172.933.868.310
Bảo hiểm xã hội	449.913.695	27.708.390
Kinh phí công đoàn	2.172.747.718	1.115.430.292
Phải trả tiền ăn ca	15.677.402.000	1.509.064.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.824.180.015	7.859.854.732
	30.088.255.478	183.445.925.724

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	-	110.000.000.000	(110.000.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	63.395.046.558	68.750.003.145	(66.837.863.556)	65.307.186.147
	63.395.046.558	178.750.003.145	(176.837.863.556)	65.307.186.147

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Vay dài hạn	828.298.603.069	871.462.617.399
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(65.307.186.147)	(63.395.046.558)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	762.991.416.922	808.067.570.841

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Vay ODA giai đoạn II	JPY	1,5%	2029	383.949.124.559	392.511.931.812
Vay ODA giai đoạn II bổ sung (Thuyết minh 38) (*)	VND	9,7%	2029	41.219.984.859	41.219.984.859
Vay ODA cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ (*)	VND	9,7%	2020	342.110.245.728	342.110.245.728
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu (**)	USD	4,25%	2018	61.019.247.923	95.620.455.000
				828.298.603.069	871.462.617.399

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Ngày 10 tháng 10 năm 2016, giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)” phê duyệt bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Thuyết minh 38). Theo đó, giá trị khoản vay cho cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ và gói thiết bị ODA giai đoạn II bổ sung mà Công ty phải nhận nợ là 383.330.230.587 VND từ ngày 1 tháng 7 năm 2014. Năm 2016, Công ty đã tạm thời ghi nhận khoản vay này bằng VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thực hiện trích trước chi phí lãi vay phải trả từ ngày 1 tháng 7 năm 2014. Công ty đã xây dựng phương án trả khoản vay trên với lãi suất 9,5%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm theo yêu cầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Cũng theo phương án trả khoản vay nói trên, thời hạn của khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn II bổ sung là đến năm 2029 và thời hạn của khoản vay cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ là đến năm 2020. Tuy nhiên, do khoản vay ODA gốc là bằng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá giải ngân đầu tư xây dựng.

(**) Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 113.730 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 157.429 triệu VND) (Thuyết minh 11).

21. Dự phòng phải trả

(a) Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự phòng sửa chữa định kỳ tài sản cố định	22.700.000.000	16.000.000.000
Dự phòng nợ vớt bến cảng	18.360.000.000	10.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	41.060.000.000	26.000.000.000

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Sửa chữa định kỳ tài sản cố định VND
Số dư đầu năm	29.267.835.000
Sử dụng dự phòng trong năm	(5.444.974.000)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.406.276.000)
Hoàn nhập dự phòng khi giải thể chi nhánh	(9.679.287.000)
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.737.298.000
	<hr/>

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	120.309.326.329	168.267.676.824
Trích lập trong năm	57.104.511.362	19.261.560.931
Sử dụng trong năm	(155.670.768.637)	(67.219.911.426)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	21.743.069.054	120.309.326.329
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015 – đã điều chỉnh lại	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	37.152.450.589	286.053.788.488	404.914.495.966	3.457.018.570.972
<i>Số dư tại ngày 1/1/2015 – theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>3.269.600.000.000</i>	<i>72.599.527.038</i>	<i>-</i>	<i>37.152.450.589</i>	<i>255.388.703.932</i>	<i>404.914.495.966</i>	<i>4.039.655.177.525</i>
<i>Điều chỉnh lại (*)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(613.301.691.109)</i>	<i>-</i>	<i>30.665.084.556</i>	<i>-</i>	<i>(582.636.606.553)</i>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	443.365.271.104	139.340.680.011	582.705.951.115
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	58.313.977.311	(58.313.977.311)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(16.762.369.187)	(2.499.191.744)	(19.261.560.931)
Cổ tức	-	-	-	-	(179.828.000.000)	(68.600.000.000)	(248.428.000.000)
Thay đổi khác	-	-	-	124.275.500	(11.623.071.304)	(73.803.300)	(11.572.599.104)
Số dư tại ngày 1/1/2016 – đã điều chỉnh lại	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	95.590.703.400	462.891.641.790	473.082.180.933	3.760.462.362.052

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016 – đã điều chỉnh lại	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	95.590.703.400	462.891.641.790	473.082.180.933	3.760.462.362.052
<i>Số dư tại ngày 1/1/2016 – theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2015</i>	3.269.600.000.000	72.599.527.038	-	95.590.703.400	370.896.388.122	473.082.180.933	4.281.768.799.493
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 38)</i>	-	-	(613.301.691.109)	-	91.995.253.668	-	(521.306.437.441)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	460.872.202.401	137.685.261.241	598.557.463.642
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	60.400.015.180	(60.400.015.180)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(50.772.616.961)	(6.331.894.401)	(57.104.511.362)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(294.264.000.000)	(148.080.000.000)	(442.344.000.000)
Thay đổi khác	-	-	-	131.994.000	(12.114.241.045)	-	(11.982.247.045)
Số dư tại ngày 31/12/2016	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	156.122.712.580	506.212.971.005	456.355.547.773	3.847.589.067.287

(*) Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc Công ty phát hiện ra chưa hạch toán đúng một số khoản mục trong báo cáo tài chính hợp nhất của các năm trước (Thuyết minh 38) và đã sửa chữa các vấn đề này.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	326.960.000	3.269.600.000.000	326.960.000	3.269.600.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	3.269.600.000.000	326.960.000	3.269.600.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho năm 2015 trị giá 261.568 triệu VND, trong đó 98.088 triệu VND đã được tạm ứng theo Nghị quyết số 45/NQ-CHP ngày 8 tháng 9 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2016 là 130.784 triệu VND theo Nghị quyết số 63/NQ-CHP ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng Quản trị.

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	13.044.552	296.513.175.629	42.307	949.677.039
EUR	28.283	674.905.866	28.225	689.849.862
		<u>297.188.081.495</u>		<u>1.639.526.901</u>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	62.220.738.694	55.330.282.486
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.357.280.675	12.265.047.099
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.726.893.065	308.303.216
Cổ tức và lợi nhuận được chia	9.779.607.300	19.230.098.853
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.639.539	83.887.697
	<hr/>	<hr/>
	79.097.159.273	87.217.619.351
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	52.479.199.297	64.566.025.484
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.906.272.215	14.863.132.976
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.171.628.624	120.581.632
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.016.131.012	-
Lỗ do thoái vốn khoản đầu tư vào công ty liên kết	889.170.396	-
	<hr/>	<hr/>
	75.462.401.544	79.549.740.092
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên quản lý	117.538.008.754	89.498.128.156
Phân bổ lợi thế kinh doanh	12.824.784.000	12.824.784.000
Chi phí khấu hao	7.474.777.722	7.227.743.877
Dự phòng phải thu khó đòi	7.766.118.815	1.684.788.062
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.927.405.253	6.050.111.672
Chi phí khác	60.346.930.346	48.457.115.681
	<hr/>	
	213.878.024.890	165.742.671.448
	<hr/>	

32. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	135.547.830.744	158.564.345.129
Chi phí nhân công	759.111.802.760	703.274.964.031
Chi phí khấu hao và phân bổ	421.664.231.056	397.766.776.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.773.053.319	178.498.207.830
Chi phí khác	290.823.521.191	227.711.655.040
	<hr/>	
	1.724.920.439.070	1.665.815.948.374
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	111.119.144.368	125.586.942.247
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời khi hợp nhất	2.342.244.444	-
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(17.475.496.184)	-
	(15.133.251.740)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	95.985.892.628	125.586.942.247

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	694.543.356.270	708.292.893.362
Thuế tính theo thuế suất của Công ty và các công ty con	146.191.287.976	131.354.522.577
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	1.033.778.494	1.928.341.459
Giá trị thuế của khoản thu nhập không bị tính thuế	(997.187.460)	(17.660.502.421)
Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại từ lãi vay cầu số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ giai đoạn từ 1/7/2014 đến 31/12/2015	(9.955.408.151)	-
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	-	9.955.408.151
Giá trị thuế của khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(18.763.867)	9.172.481
Giá trị thuế của khoản cổ tức trong nội bộ Công ty và các công ty con	(42.610.058.808)	-
Biến động chênh lệch tạm thời	2.342.244.444	-
	95.985.892.628	125.586.942.247

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con bao gồm Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng, Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng, và Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, một công ty con của Công ty, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2008 đến năm 2018 và theo thuế suất phổ thông sau đó. Công ty con này được giảm 50% thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2014.

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2016	2015 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông (VND) (*)	460.872.202.401	443.365.271.104
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	326.960.000	326.960.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.409,57	1.356,02

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016	2015
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty mẹ		
Tạm ứng cổ tức năm 2016	121.056.550.800	-
Chia cổ tức năm 2015	151.320.688.500	92.874.420.000
Chia cổ tức năm 2014	-	77.395.350.000
Cung cấp dịch vụ	1.871.710.737	-
Quyết toán về cổ phần hóa	78.704.002.961	-
Các công ty liên kết		
Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ		
Mua dịch vụ	-	40.243.500
Lợi nhuận được chia	16.830.000.000	16.267.222.553
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ		
Mua dịch vụ	27.078.302.623	31.039.853.205
Cổ tức được chia	2.736.000.000	2.736.000.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	6.272.102.678	5.273.750.086

36. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Ngày 25 tháng 1 năm 2017, Công ty đã thành lập một đoàn kiểm tra đến làm việc tại công ty con là Công ty TNHH Một Thành viên Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng. Đoàn kiểm tra đã phát hiện một số sai sót trong việc ghi nhận khoản thu từ dịch vụ khám sức khỏe và yêu cầu Công ty TNHH Một Thành viên Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng điều chỉnh các sai sót này trên báo cáo tài chính.

Tại ngày của báo cáo này, cơ quan chức năng vẫn đang tiến hành rà soát lại vấn đề này tại Công ty TNHH Một Thành viên Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng và chưa có kết luận cuối cùng.

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Bù trừ cổ tức phải trả với phải thu khác	20.000.000.000	-
Bù trừ cổ tức phải trả với phải thu về cổ phần hóa	78.704.002.961	-

38. Số liệu so sánh

Trong quá trình lập báo cáo tài chính cho năm hiện tại, Ban Tổng Giám đốc đã phát hiện một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không được phân loại đúng trong báo cáo tài chính năm trước như sau:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn trên một năm với giá trị 15.504.823.644 VND được phân loại là phải thu dài hạn của khách hàng;
- Phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn trên một năm có giá trị 150.000.000 VND được phân loại là phải thu dài hạn khác;
- Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi có giá trị 13.780.724.899 VND được phân loại là dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi;
- Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết có giá trị 77.551.047.448 VND được phân loại là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác mặc dù Công ty nắm giữ trên 20% sở hữu và quyền biểu quyết của các bên nhận đầu tư;
- Phần sở hữu của Công ty trong lỗ của công ty liên kết có giá trị 6.300.000.000 VND không được ghi nhận khi lập báo cáo tài chính hợp nhất;
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn có giá trị 6.300.000.000 VND cho công ty liên kết không được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Hàng tồn kho có giá trị 10.558.922.152 VND được phân loại là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng phát hiện ra chưa hạch toán đúng một số khoản mục trong báo cáo tài chính hợp nhất của các năm trước như sau:

Khi Công ty thực hiện cổ phần hóa vào năm 2014, khoản đầu tư vào công ty con của Công ty được đánh giá lại theo hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần với giá trị tăng thêm là 613.301.691.109 VND. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần ngày 1 tháng 7 năm 2014, Công ty ghi nhận khoản chênh lệch này là lợi thế thương mại và phân bổ trong 10 năm từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 thay vì ghi nhận là khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản theo hướng dẫn của các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ảnh hưởng của vấn đề này đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

- lợi thế thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thừa 521.306.437.441 VND;
- lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thiếu 91.995.253.668 VND;
- chênh lệch đánh giá lại tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thừa 613.301.691.109 VND;
- chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thừa 61.330.169.112 VND;
- lợi nhuận trước và sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thiếu 61.330.169.112 VND;
- lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thiếu 61.330.169.112 VND; và

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thiếu 187,58 VND.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định điều chỉnh hồi tố giá trị tài sản theo quyết toán vốn Nhà nước, cụ thể như sau:

Ngày 10 tháng 10 năm 2016, giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)” được phê duyệt bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Ảnh hưởng của vấn đề này đối với một số khoản mục trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

- Phải thu ngắn hạn khác giảm 23.881.541.657 VND;
- Hàng tồn kho giảm 38.743.532 VND;
- Tài sản cố định hữu hình - nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế giảm 58.650.036.275 VND và 123.784.080.323 VND tương ứng;
- Tài sản cố định vô hình - nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tăng cùng một giá trị 1.747.776.738 VND;
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tăng 6.226.000 VND; và
- Vay dài hạn tăng 41.219.984.859 VND.

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định điều chỉnh lại một số số liệu của năm 2015 và 2014 để sửa chữa những vấn đề trên. Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2015:

	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh lại	1/1/2015 (đã điều chỉnh lại)
Lợi thế thương mại	582.636.606.553	(582.636.606.553)	-
Vay dài hạn	965.129.613.980	-	965.129.613.980
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	255.388.703.932	30.665.084.556	286.053.788.488

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2016:

	1/1/2016 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh lại VND	Điều chỉnh hồi tố theo Quyết toán vốn Nhà nước VND	1/1/2016 (đã điều chỉnh lại) VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	235.603.055.416	15.504.823.644	-	251.107.879.060
Phải thu ngắn hạn khác	140.691.889.987	150.000.000	(23.881.541.657)	116.960.348.330
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(772.153.600)	(13.780.724.899)	-	(14.552.878.499)
Hàng tồn kho	29.774.345.880	10.558.922.152	(38.743.532)	40.294.524.500
Phải thu dài hạn khác	743.181.000	(150.000.000)	-	593.181.000
Tài sản cố định hữu hình	3.080.002.255.887	-	65.134.044.048	3.145.136.299.935
<i>Nguyên giá</i>	<i>6.385.229.257.734</i>	-	<i>(58.650.036.275)</i>	<i>6.326.579.221.459</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(3.305.227.001.847)</i>	-	<i>123.784.080.323</i>	<i>(3.181.442.921.524)</i>
Tài sản cố định vô hình	1.951.823.039	-	-	1.951.823.039
<i>Nguyên giá</i>	<i>32.475.549.100</i>	-	<i>1.747.776.738</i>	<i>34.223.325.838</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(30.523.726.061)</i>	-	<i>(1.747.776.738)</i>	<i>(32.271.502.799)</i>
Phải thu dài hạn của khách hàng	15.504.823.644	(15.504.823.644)	-	-
Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	(13.780.724.899)	13.780.724.899	-	-
Đầu tư vào các công ty liên kết	163.029.568.615	71.251.047.448	-	234.280.616.063
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	95.299.957.448	(77.551.047.448)	6.226.000	17.755.136.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(6.305.000.000)	6.300.000.000	-	(5.000.000)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10.558.922.152	(10.558.922.152)	-	-
Lợi thế thương mại	521.306.437.441	(521.306.437.441)	-	-
Vay dài hạn	766.847.585.982	-	41.219.984.859	808.067.570.841
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	(613.301.691.109)	-	(613.301.691.109)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	370.896.388.122	91.995.253.668	-	462.891.641.790

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh lại VND	2015 (đã điều chỉnh lại) VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	227.072.840.560	(61.330.169.112)	165.742.671.448
Lợi nhuận kế toán trước thuế	646.962.724.250	61.330.169.112	708.292.893.362
Lợi nhuận sau thuế TNDN	521.375.782.003	61.330.169.112	582.705.951.115
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	382.035.101.992	61.330.169.112	443.365.271.104
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.168,45	187,58	1.356,02

26 -03- 2017

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Phạm Hồng Minh
KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

